CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TƯƠNG ỚT CHERY
SỐ: 01/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 367
Ngày: 9/10/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ỚT CHERRY
2. Thành phần: Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS260, INS330), ngọt tổng hợp(E951), hương tỏi, hương ớt.

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 01/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
TƯƠNG ỚT CHERRY

(Đính kèm bản Tự công bố số: 01/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt
- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của hương tỏi, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	11,3-34,1
2	Chất đạm	g/100g	0,56 – 1,68
3	Natri	mg/100g	493 – 1480
4	Đường tổng số	g/100g	1,1 – 3,3
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,29 – 6,85

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 01/TTĐ/2026)

1. Tên sản phẩm: Tương ớt Cherry

Thành phần: Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương tỏi, hương ớt.

2 Thể tích thực: Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

3 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm hải sản, thịt quay, nem, phở, mỳ xào…

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

7. NSX: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	22,76
2	Chất đạm	g/100g	1,12
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	4,57
5	Đường tổng số	g/100g	2,23
6	Natri	mg/100g	986,67

9. Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. Xuất xứ: Việt Nam

12. Số TCB: 01/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 01/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG ỚT CHERRY

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 01/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG ỚT CHERRY, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 01/TTĐ/2026

TƯƠNG ỚT CHERRY

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG ỚT CHERRY do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7397:2014 Tương Ớt
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt.
- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của hương tỏi, không có mùi lạ
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	11,3 – 34,1
2	Chất đạm	g/100g	0,56 – 1,68
3	Natri	mg/100g	493 – 1480
4	Đường tổng số	g/100g	1,1 – 3,3
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,29 – 6,85

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2. Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương ớt).

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Chỉ số
1	Năng lượng	kcal/100g	112 – 364
2	Chất đạm	g/100g	0,56 – 1,68
3	Natri	mg/100g	403 – 1480
4	Chất béo tổng số	g/100g	1,1 – 3,3
5	Chất béo	g/100g	7,05 – [illegible]
6	Carbohydrat	g/100g	2,29 – 6,88

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10[illegible]
2	Tổng số nấm men nấm mốc	cfu/g	10[illegible]
3	Coliforms	cfu/g	10[illegible]
4	Escherichia Coli	cfu/g	<10
5	Staphylococcus aureus	cfu/g	10[illegible]
6	Salmonella	/25g	KPH
7	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1,0
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm. Tra cứu theo thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành ngày 26 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho phụ nhóm 12.6 và 12.9.2. Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương ớt,

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Sunset Yellow	Phẩm mầu	300mg/kg	Theo quy định hiện hành
Ponceau 4R	Phẩm Màu	50 mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương tỏi, hương ớt)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: : Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ axit (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương tỏi, hương ớt.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm hải sản, thịt quay, nem, phở, mỳ xào…

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1053... C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152310223/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Cherry**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/10/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Sunset yellow (E110) *	mg/kg	84,64	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
2	Ponceau 4R (E124) *	mg/kg	19,85	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
3	Aspartame (E951) *	mg/kg	171,49	TCVN 8471:2010

Ghi chú/ *Note:*

- Phiếu kết quả mã số DV152310223/01 này thay thế cho phiếu kết quả DV152211196/05 ký ngày 28/09/2026 để cập nhật lại thông tin theo yêu cầu của khách hàng tại Đơn thay đổi thông tin số: 01/CV/2026 ký ngày 29/09/2026

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương ớt Cherry**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	22,76	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	4,57	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	1,12	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	986,67	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	2,23	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,015)	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV151811240/01

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
13	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
14	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
15	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
16	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
17	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Cherry**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/kg	673,19	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/kg	799,32	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM TƯƠNG CÀ CHERY

SỐ: 02/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 368
Ngày: 21/01/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG CÀ CHERRY
2. Thành phần: Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.
3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 02/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
TƯƠNG CÀ CHERRY

(Đính kèm bản Tự công bố số: 02/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, của bột cà.
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của bột cà chua, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13,7 – 40,9
2	Chất đạm	g/100g	0,38 – 0,98
3	Natri	mg/100g	385,65 – 1155,65
4	Đường tổng số	g/100g	1,49 – 4,45
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,14 – 9,14

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 02/TTĐ/2026)

1. Tên sản phẩm: Tương cà Cherry

2 Thành phần: Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dày (INS 415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.

3 Thể tích thực: Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chấm các món ăn như thịt quay, bánh piza. Taog hương vị đậm đà trong các món bánh…

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

7. NSX: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	27,28
2	Chất đạm	g/100g	0,68
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	6,14
5	Đường tổng số	g/100g	2,97
6	Natri	mg/100g	770,65

9. Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. Xuất xứ: Việt Nam

12. Số TCB: 02/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 02/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 02/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG CÀ CHERRY

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 02/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG CÀ CHERRY, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 02/TTĐ/2026

TƯƠNG CÀ CHERRY

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG CÀ CHERRY do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7398:2014 Tương Cà
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, của bột cà
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của bột cà chua, không có mùi lạ
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13,7 – 40,9
2	Chất đạm	g/100g	0,38 – 0,98
3	Natri	mg/100g	385,65 – 1155,65
4	Đường tổng số	g/100g	1,49 – 4,45
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,14 – 9,14

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2. Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương cà).

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Sunset Yellow	Phẩm mầu	300mg/kg	Theo quy định hiện hành
Ponceau 4R	Phẩm Màu	50 mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương me A003)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: : Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS 415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ axit (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng để chấm các món ăn như thịt quay, nem, bánh piza. Tạo hương vị đậm đà trong các món bánh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 0901221805 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/08

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Cà Cherry**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Sunset yellow (E110) *	mg/kg	111,84	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
2	Ponceau 4R (E124) *	mg/kg	16,52	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
3	Aspartame (E951) *	mg/kg	208,88	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương cà cherry**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	27,28	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	6,14	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	0,68	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	770,65	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	2,97	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	< LOQ = 0,04	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV151811240/02

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
13	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
14	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
15	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
16	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
17	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 | VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Cà Cherry**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/kg	691,98	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/kg	720,88	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCIAL SUB-DEPARTMENT OF AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Establishment: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/Address: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/Tel: 0904.206.859

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1. Thực phẩm, trong đó có hương liệu, hương tổng hợp (không dùng cho trẻ sơ sinh)

2. Sản phẩm khác

Số cấp/Number: 94/2023/NNPTNT-TB

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

KT. CHI CỤC TRƯỞNG

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
NƯỚC TƯƠNG MONEY
SỐ: 03/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 369
Ngày: 9/01/2026
Chuyển:
Sổ và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG MONEY
2. Thành phần: Cốt nước tương ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen (INS 150c). Chất bảo quản (E200, E211), ngọt tổng hợp (E951). Chất tạo độ chua (INS330), hương nước tương, bột gia vị hỗn hợp.
3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 03/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
TÂN TIẾN ĐẠT

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
NƯỚC TƯƠNG MONEY

(Đính kèm bản Tự công bố số: 03/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đen cánh dán
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của tương, vị mặt ngọt hài hòa.
- Trạng thái: Dạng lòng không có váng.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13,84 – 41,52
2	Chất đạm	g/100g	0,37 – 1,1
3	Natri	mg/100g	1289 – 3867
4	Đường tổng số	g/100g	2,4 – 7,2
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,18 – 9,18

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 03/TTĐ/2026)

1. Tên sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG MONEY

2 Thành phần: Cốt nước tương ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen (INS 150c). Chất bảo quản (E200, E211), ngọt tổng hợp (E951). Chất tạo độ chua (INS330), hương nước tương, bột gia vị hỗn hợp.

3 Thể tích thực: Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm vịt quay, thịt quay, cơm rang, mỳ xào…, dùng nêm các món xào thêm đậm đà.

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm.

7. NSX: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	27,68
2	Chất đạm	g/100g	0,74
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	6,18
5	Đường tổng số	g/100g	4,85
6	Natri	mg/100g	2577,8

9. Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. Xuất xứ: Việt Nam

12. Số TCB: 03/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 03/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 03/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG MONEY

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 03/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm NƯỚC TƯƠNG MONEY, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 03/TTĐ/2026

NƯỚC TƯƠNG MONEY

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là NƯỚC TƯƠNG MONEY do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7363:2008 Nước Tương
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng.

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đen cánh dán
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của tương, vị mặn ngọt hài hòa
- Trạng thái: Dạng lỏng không có váng.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13,84 – 41,52
2	Chất đạm	g/100g	0,37 – 1,1
3	Natri	mg/100g	1289 – 3867
4	Đường tổng số	g/100g	2,4 – 7,2
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,18 – 9,18

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2 Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: nước tương).

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Caramen (INS150c)	Phẩm mầu	50000mg/kg	Theo quy định hiện hành

4.Thành phần: : Cốt nước tương <5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen(INS150c). Chất bảo quản (E200, E211), ngọt tổng hợp (E951). Chất tạo độ axit (INS330), hương nước tương, bột gia vị hỗn hợp.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm vịt quay, thịt quay, cơm rang, mỳ xào…, dùng nêm các món xào thêm đậm đà.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1000... C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Nước Tương Money**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Aspartame (E951) *	mg/L	151,58	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/07

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Nước tương monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100mL	27,68	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100mL	6,18	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100mL	0,74	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100ml	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100mL	2577,8	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100mL	4,85	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/L	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/L	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/L	< LOQ = 0,04	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV151811240/07

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/mL	< 1	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/mL	< 1	TCVN 8275-1:2010
13	Coliforms *	CFU/mL	< 1	TCVN 6848:2007
14	*E. coli* *	CFU/mL	< 1	TCVN 7924-2:2008
15	*Staphylococcus aureus* *	CFU/mL	< 1	AOAC 975.55
16	*Clostridium perfringens* *	CFU/mL	< 1	ISO 15213-2:2023
17	*Salmonella spp.* *	/25mL	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25mL)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/07

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Nước Tương Monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/L	390,67	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/L	601,83	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TƯƠNG ỚT MONEY
SỐ: 04/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 370
Ngày: 9/10/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ỚT MONEY

2. Thành phần: Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS260, INS330), ngọt tổng hợp(E951), hương tỏi, hương ớt.

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 04/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
TƯƠNG ỚT MONEY

(Đính kèm bản Tự công bố số: 04/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt

- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của hương tỏi, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	12 – 36,6
2	Chất đạm	g/100g	0,13 – 0,39
3	Natri	mg/100g	468 – 1404
4	Đường tổng số	g/100g	1,15 – 3,46
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,88 – 8,48

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 04/TTĐ/2026)

1. **Tên sản phẩm:** Tương ớt Money

2. **Thành phần:** Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương tỏi, hương ớt.

3 **Thể tích thực:** Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm hải sản, thịt quay, nem, phở, mỳ xào…

5. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. **Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

7. **NSX**: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. **Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:**

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	23,76
2	Chất đạm	g/100g	0,26
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	5,68
5	Đường tổng số	g/100g	2,31
6	Natri	mg/100g	935,87

9. **Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:**

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. **Sản xuất tại:** CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. **Xuất xứ:** Việt Nam

12. **Số TCB:** 04/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 04/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 04/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG ỚT MONEY

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 04/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG ỚT MONEY, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 04/TTĐ/2026

TƯƠNG ỚT MONEY

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG ỚT MONEY do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7397:2014 Tương Ớt
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt.
- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của hương tỏi, không có mùi lạ
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	12 – 36,6
2	Chất đạm	g/100g	0,13 – 0,39
3	Natri	mg/100g	468 – 1404
4	Đường tổng số	g/100g	1,15 – 3,46
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,88 – 8,48

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2 Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương ớt).

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Sunset Yellow	Phẩm mầu	300mg/kg	Theo quy định hiện hành
Ponceau 4R	Phẩm Màu	50 mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương tỏi, hương ớt)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: : Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ axit (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương tỏi, hương ớt.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm hải sản, thịt quay, nem, phở, mỳ xào…

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 0901122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/07

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Money**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Sunset yellow (E110) *	mg/kg	91,2	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
2	Ponceau 4R (E124) *	mg/kg	20,3	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
3	Aspartame (E951) *	mg/kg	109,84	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương ớt monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	23,76	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	5,68	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	0,26	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	935,87	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	2,31	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	< LOQ = 0,04	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV151811240/03

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
13	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
14	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
15	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
16	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
17	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV152011228/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/kg	671,36	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/kg	796,2	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMENT OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Establishment: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/Address: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/Tel: 0904.256.859

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1. Thực phẩm bổ sung dạng dung dịch (nước uống đóng chai hương vị trái cây)

số quy chuẩn: ...

2. Sản phẩm khác: ...

Số cấp/Number: 94/2023/NNPTNT-TB

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2023

Thái Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2022

KT. CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TƯƠNG CÀ MONEY
SỐ: 05/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 371
Ngày: 9/1/01/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG CÀ MONEY
2. Thành phần: Bột cà chua ≤ 5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.
3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 05/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 0901122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
TƯƠNG CÀ MONEY

(Đính kèm bản Tự công bố số: 05/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, của bột cà.
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của bột cà chua, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13,6 – 40,8
2	Chất đạm	g/100g	0,2 – 0,6
3	Natri	mg/100g	403,2 – 1207,2
4	Đường tổng số	g/100g	0,75 – 2,25
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,21 – 9,61

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 05/TTĐ/2026)

1. **Tên sản phẩm:** Tương cà Money

2. **Thành phần:** Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dày (INS 415)chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.

3 **Thể tích thực:** Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chấm các món ăn như thịt quay, nem, bánh piza. Tạo hương vị đậm đà trong các món bánh…

5. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. **Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm.

7. **NSX**: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. **Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:**

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	27,24
2	Chất đạm	g/100g	0,4
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	6,41
5	Đường tổng số	g/100g	1,5
6	Natri	mg/100g	805,2

9. **Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:**

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. **Sản xuất tại:** CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. **Xuất xứ:** Việt Nam

12. **Số TCB:** 05/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 05/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 05/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG CÀ MONEY

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 05/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG CÀ MONEY, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 05/TTĐ/2026

TƯƠNG CÀ MONEY

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG CÀ MONEY do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7398:2014 Tương Cà
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lương

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, của bột cà
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của bột cà chua, không có mùi lạ
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13,6 – 40,8
2	Chất đạm	g/100g	0,2 – 0,6
3	Natri	mg/100g	403,2 – 1207,2
4	Đường tổng số	g/100g	0,75 – 2,25
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,21 – 9,61

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2 Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương cà).

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	119,6 – 60,3
2	Chất đạm	g/100g	0,2 – 0,6
3	Natri	mg/100g	102,2 – 1207,2
4	Đường tổng số	g/100g	0,25 – 2,25
5	Chất béo	g/100g	2,0,5 – 2,5
6	Carbohydrate	g/100g	2,21 – 9,61

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^6
2	Tổng số nấm mốc men men	cfu/g	10^4
3	Coliforms	cfu/g	10^2
4	Escherichia Coli	cfu/g	<10
5	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
6	Salmonella	/25g	KPH
7	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	2,0
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia được phép: Tra cứu theo Thông tư số 09/2015/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 08 tháng 5 năm 2015 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm (thay thế Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Y tế).

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Sunset Yellow	Phẩm mầu	300mg/kg	Theo quy định hiện hành
Ponceau 4R	Phẩm Màu	50 mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương me A003)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: : Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ axit (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

- Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng để chấm các món ăn như thịt quay, nem, bánh piza. Tạo hương vị đậm đà trong các món bánh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1001... C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/09

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Cà Money**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Sunset yellow (E110) *	mg/kg	100,76	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
2	Ponceau 4R (E124) *	mg/kg	14,97	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
3	Aspartame (E951) *	mg/kg	137,8	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương cà monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	27,24	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	6,41	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	0,4	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	805,2	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	1,5	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	< LOQ = 0,04	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/04

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
13	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
14	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
15	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
16	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
17	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Cà Monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/kg	582,4	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/kg	605,83	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:
Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.
Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*
Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*
Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL.

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
DẦU HÀO MONEY
SỐ: 06/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 372
Ngày: 21/07/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: DẦU HÀO MONEY
2. Thành phần: Cốt nước tương, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen (INS 150c). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương hàu.
3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 06/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
TÂN TIẾN ĐẠT

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
DẦU HÀO MONEY

(Đính kèm bản Tự công bố số: 07/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đen
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của hương hàu
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	19 – 58
2	Chất đạm	g/100g	0,5 – 1,5
3	Natri	mg/100g	1257 – 3771
4	Đường tổng số	g/100g	1,87 – 5,47
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	4,47 – 13

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 06/TTĐ/2026)

1. **Tên sản phẩm:** DẦU HÀO MONEY

2 **Thành phần:** Cốt nước tương, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS 415), chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen (INS 150c). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương hàu.

3 **Thể tích thực:** Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong các món xào như rau, thịt bò…Dùng để ướp các loại thịt nướng…

5. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. **Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

7. **NSX**: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. **Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:**

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	39,2
2	Chất đạm	g/100g	1,03
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	8,77
5	Đường tổng số	g/100g	3,67
6	Natri	mg/100g	2514,03

9. **Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:**

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. **Sản xuất tại:** CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. **Xuất xứ:** Việt Nam

12. **Số TCB:** 06/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 06/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 06/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: DẦU HÀO MONEY

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 06/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm DẦU HÀO MONEY, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 06/TTĐ/2026

DẦU HÀO MONEY

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là DẦU HÀO MONEY do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7398:2014 Dầu hào
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đen
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của hương hàu
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	19,6 – 58
2	Chất đạm	g/100g	0,5 – 1,5
3	Natri	mg/100g	1257 – 3771
4	Đường tổng số	g/100g	1,87 – 5,47
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	4,47 – 13

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2 Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Dầu hào).

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	19,6 – 58
2	Chất đạm	g/100g	0,5 – 1,5
3	Natri	mg/100g	1257 – 3771
4	Hương liệu giống hệt tự nhiên	g/100g	1,87 – 5,17
5	Chất béo	g/100g	< 0,5
6	Carbohydrate	g/100g	4,47 – 13

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
3	Coliforms	cfu/g	10^2
4	Escherichia Coli	cfu/g	<10
5	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
6	Salmonella	/25g	KPH
7	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia được phép: Tên của chất phụ gia được phép sử dụng theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 được dùng và số đăng ký tại Cục An toàn thực phẩm cho sản phẩm tương ứng.

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Caramen (INS150c)	Phẩm mầu	50000mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương hàu)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: : Cốt nước tương, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen (INS150c). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ axit (INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương hầu.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng trong các món xào như rau, thịt bò…Dùng để ướp các loại thịt nướng…

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV152211196/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ *Customer's Name*: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. Địa chỉ/ *Address*: Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ *Name of Sample*: **Dầu Hào Money**
4. Mô tả mẫu/ *Sample Description*: Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. Ngày nhận mẫu/ *Date sample received*: 16/09/2026
6. Thời gian lưu mẫu/ *Sample retention time*: Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/ *Date of test*: 16/09/2026-28/09/2026
8. Ngày trả kết quả/ *Date of issue*: 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Aspartame (E951) *	mg/kg	302,12	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Dầu hào monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	39,2	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	8,77	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	1,03	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	2514,03	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	3,67	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	< LOQ = 0,04	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV151811240/06

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
13	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
14	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
15	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
16	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
17	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Dầu Hào Monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/kg	809,2	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/kg	856,86	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

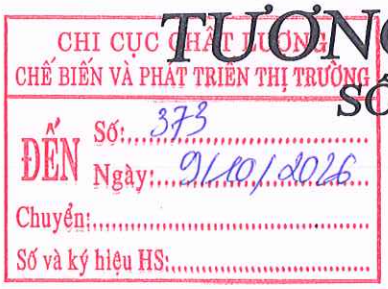
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT



HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TƯƠNG CÀ SÀI GÒN
SỐ: 07/TTĐ/2026



Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG CÀ SÀI GÒN
2. Thành phần: Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.
3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

+ Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 07/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
TƯƠNG CÀ SÀI GÒN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 07/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, của bột cà.
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của bột cà chua, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	14 – 41 ,8
2	Chất đạm	g/100g	0,1 – 0,3
3	Natri	mg/100g	411 – 1231
4	Đường tổng số	g/100g	1 – 3,07
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,5 – 10,5

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 07/TTĐ/2026)

1. Tên sản phẩm: Tương cà SÀI GÒN

2 **Thành phần:** Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.

3 **Thể tích thực:** Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chấm các món ăn như thịt quay, nem, bánh piza. Tạo hương vị đậm đà trong các món bánh…

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm.

7. **NSX**: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	27,92
2	Chất đạm	g/100g	≤ 0,5
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	6,98
5	Đường tổng số	g/100g	2,07
6	Natri	mg/100g	821,09

9. Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. Xuất xứ: Việt Nam

12. Số TCB: 07/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 07/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 07/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG CÀ SÀI GÒN

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 07/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG CÀ SÀI GÒN, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 07/TTĐ/2026
TƯƠNG CÀ SÀI GÒN

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG ỚT SÀI GÒN do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7398:2014 Tương Cà
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, của bột cà
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của bột cà chua, không có mùi lạ
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	14 – 41,8
2	Chất đạm	g/100g	≤ 0,5
3	Natri	mg/100g	411 – 1231
4	Đường tổng số	g/100g	1 – 3,07
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	3,5 – 10,5

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2. Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương cà).

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Sunset Yellow	Phẩm mầu	300mg/kg	Theo quy định hiện hành
Ponceau 4R	Phẩm Màu	50 mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương me A003)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: : Bột cà chua ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS 415), chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ axit (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương me.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng để chấm các món ăn như thịt quay, nem, bánh piza. Tạo hương vị đậm đà trong các món bánh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 0901122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/10

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Cà Sài Gòn**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Sunset yellow (E110) *	mg/kg	113,05	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
2	Ponceau 4R (E124) *	mg/kg	16,83	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
3	Aspartame (E951) *	mg/kg	150,51	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/11

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Cà Sài Gòn**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	27,92	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (Không bao gồm xơ)	g/100g	6,98	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	< LOQ = 0,2	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	821,09	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	2,07	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/kg	< LOQ = 0,15	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,015)	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV152011228/11

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Acid sorbic (E200)	mg/kg	736,8	TCVN 8122:2009
12	Natri benzoate (E211)	mg/kg	762,13	TCVN 8122:2009
13	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
14	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
15	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
16	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
17	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
18	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*
- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152110208/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Sài Gòn**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 03/08/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 03/08/2026-10/08/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 10/08/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	$5,5x10^1$	TCVN 4884-1:2015

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

Th.S. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TƯƠNG ỚT SÀI GÒN
SỐ: 08/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 374
Ngày: 21/01/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ỚT SÀI GÒN
2. Thành phần: Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, , chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương tỏi, hương ớt.

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm *: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 08/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 0901122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
TƯƠNG ỚT SÀI GÒN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 08/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt
- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của hương tỏi, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	11,5-34,5
2	Chất đạm	g/100g	0,23 – 0,63
3	Natri	mg/100g	242,2 – 726,2
4	Đường tổng số	g/100g	1,34 – 4
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,28 – 6,85

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số:08/TTĐ/2026)

1. **Tên sản phẩm:** Tương ớt Sài Gòn

2 **Thành phần:** Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính,chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương tỏi, hương ớt.

3 **Thể tích thực:** Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm hải sản, thịt quay, nem, phở, mỳ xào…

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

7. **NSX**: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	23,08
2	Chất đạm	g/100g	0,43
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	5,34
5	Đường tổng số	g/100g	2,68
6	Natri	mg/100g	484,21

9. Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. Xuất xứ: Việt Nam

12. Số TCB: 08/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 08/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 08/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG ỚT SÀI GÒN

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 08/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG ỚT SÀI GÒN, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 08/TTĐ/2026

TƯƠNG ỚT SÀI GÒN

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG ỚT SÀI GÒN do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7397:2014 Tương Ớt
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt.
- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của hương tỏi, không có mùi lạ
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	11,5-34,5
2	Chất đạm	g/100g	0,23 – 0,63
3	Natri	mg/100g	242,2 – 726,2
4	Đường tổng số	g/100g	1,34 – 4
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,28 – 6,85

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2 Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương ớt).

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Sunset Yellow	Phẩm mầu	300mg/kg	Theo quy định hiện hành
Ponceau 4R	Phẩm Màu	50 mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương tỏi, hương ớt)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: : Ớt tươi ≤5%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ axit (INS260, INS330), ngọt tổng hợp (E951), hương tỏi, hương ớt.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng trong bữa ăn hàng ngày như chấm hải sản, thịt quay, nem, phở, mỳ xào…

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT



GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Sài Gòn**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Sunset yellow (E110) *	mg/kg	88,44	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
2	Ponceau 4R (E124) *	mg/kg	19,07	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
3	Aspartame (E951) *	mg/kg	200	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/10

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Sài Gòn**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	23,08	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (Không bao gồm xơ)	g/100g	5,34	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	0,43	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	484,21	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	2,68	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/kg	< LOQ = 0,15	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,015)	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV152011228/10

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Acid sorbic (E200)	mg/kg	679,05	TCVN 8122:2009
12	Natri benzoate (E211)	mg/kg	805,83	TCVN 8122:2009
13	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
14	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
15	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
16	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
17	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
18	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152110208/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Cà Sài Gòn**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 03/08/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 03/08/2026-10/08/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 10/08/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL.

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TƯƠNG ĐEN MONEY
SỐ: 09/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 375
Ngày: 9/10/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ĐEN MONEY
2. Thành phần: Cốt nước tương ≤2%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS 415), chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen (INS150c). Chất bảo quản (E200, E211), ngọt tổng hợp (E951).
3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 09/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1000... C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
TƯƠNG ĐEN MONEY

(Đính kèm bản Tự công bố số: 09/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đen
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của tương, vị mặt ngọt hài hòa.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	11,6 – 33,6
2	Chất đạm	g/100g	0,3 – 0,9
3	Natri	mg/100g	394 – 1160
4	Đường tổng số	g/100g	1,19 – 3,57
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,5 – 7,5

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 09/TTĐ/2026)

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ĐEN MONEY

2. Thành phần: Cốt nước tương ≤2%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dày (INS 415), chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen (INS 150c). Chất bảo quản (E200, E211), ngọt tổng hợp (E951).

3 Thể tích thực: Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng cho bánh mỳ, phở, mỳ xào, cá viên hải sản. Dùng cả cho người ăn chay.

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm.

7. NSX: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	22,6
2	Chất đạm	g/100g	0,6
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	5,05
5	Đường tổng số	g/100g	2,38
6	Natri	mg/100g	787,02

9. Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. Xuất xứ: Việt Nam

12. Số TCB: 09/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 09/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 09/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG ĐEN MONEY

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 09/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG ĐEN MONEY, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 09/TTĐ/2026

TƯƠNG ĐEN MONEY

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG ĐEN MONEY do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7398:2014 Tương đen
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đen
- Mùi vị: Thơm đặc trưng của tương, vị mặn ngọt hài hòa
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	11,6 – 33,6
2	Chất đạm	g/100g	0,3 – 0,9
3	Natri	mg/100g	394 – 1160
4	Đường tổng số	g/100g	1,19 – 3,57
5	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
6	Carbohydrat	g/100g	2,5 – 7,5

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2 Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: tương đen).

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Aspartame (INS951)	Chất tạo ngọt tổng hợp	350mg/kg	Theo quy định hiện hành
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Caramen (INS150c)	Phẩm mầu	50000mg/kg	Theo quy định hiện hành

4.Thành phần: : Cốt nước tương ≤2%, nước, đường, muối ăn, tinh bột biến tính, chất làm dầy (INS415), chất điều vị (621,635), phẩm màu caramen(INS150c). Chất bảo quản (E200, E211), ngọt tổng hợp (E951).

5. Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200ml, 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng cho bánh mỳ, phở, mỳ xào, cá viên hải sản. Dùng cho người ăn chay.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Đen Money**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Aspartame (E951) *	mg/kg	262,36	TCVN 8471:2010

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/05

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương đen monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	22,6	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	5,05	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	0,6	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	787,02	TCVN 10916:2015
6	Đường tổng số	g/100g	2,38	VNT.H.03.Fo.53
7	Arsen (As) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
8	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
9	Chì (Pb) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
10	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,015)	TCVN 10912:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV151811240/05

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015
12	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
13	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
14	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
15	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
16	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
17	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/05

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Đen Monye**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/kg	687,07	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/kg	730,42	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến

CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TƯƠNG ỚT PHỞ TÂN ĐẠT
SỐ: 10/TTĐ/2026

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 376
Ngày: 9/1/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Danh mục hồ sơ đính kèm gồm:

1. Bản tự công bố sản phẩm;
2. Nhãn dự thảo sản phẩm;
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Tiêu chuẩn cơ sở

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/TTĐ/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 26, Tân Hoà phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0916101900
- Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: số 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL. Ngày cấp 28/12/2023. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ỚT PHỞ TÂN ĐẠT
2. Thành phần: Ớt tươi ≤35%, tỏi, nước, muối ăn, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS330), hương me.
3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng, chai nhựa, can nhựa. Thể tích 200 ml, 500ml, chai 800 ml, chai 900 ml, can 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít 4,8 lít, 5 lít, ... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Tổ 26, Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên*

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất Lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Theo Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Theo Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 10/TTĐ/2026

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
TÂN TIẾN ĐẠT

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

M.S.D.N: 1001122186 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

PHỤ LỤC HẠNG MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ TƯƠNG ỚT PHỞ TÂN ĐẠT

(Đính kèm bản Tự công bố số: 10/TTĐ/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt
- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của tỏi, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13 – 38,84
2	Chất đạm	g/100g	0,3 – 0,9
3	Natri	mg/100g	773 – 2317,44
4	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
5	Carbohydrat	g/100g	3 – 8,72

3. Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Đính kèm bản Tự công bố số: 10/TTĐ/2026)

1. **Tên sản phẩm:** Tương ớt Phở Tân Đạt

2. **Thành phần:** Ớt tươi ≤35%, nước, muối, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200, E211), chất điều chỉnh độ chua (INS 260, INS 330), hương me.

3 **Thể tích thực:** Chai 200 ml, 500 ml, 900 ml, can 1,8 lít, can 1,9 lít, can 4,8 lít, can 5 lít ….hoặc đóng gói với thể tích quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4 **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong bữa ăn hàng ngày như bún, phở, chấm hải sản…

5. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

6. **Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩn trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

7. **NSX**: in trên bao bì. **HSD**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. **Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml sản phẩm:**

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	25,92
2	Chất đạm	g/100g	0,62
3	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Carbohyrdate	g/100g	5,86
5	Natri	mg/100g	1545,22

9. **Tên cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:**

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. **Sản xuất tại:** CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: Tổ 26 Tân Hoà, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên..

11. **Xuất xứ:** Việt Nam

12. **Số TCB:** 10/TTĐ/2026

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 10/TTĐ/2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tổ 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 10/TTĐ/2026

Áp dụng cho sản phẩm: TƯƠNG ỚT PHỞ TÂN ĐẠT

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở 10/TTĐ/2026 do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT công bố để áp dụng cho sản phẩm TƯƠNG ỚT PHỞ TÂN ĐẠT, do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT sản xuất và ban hành tại Việt Nam.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TCCS 10/TTĐ/2026

TƯƠNG ỚT PHỞ TÂN ĐẠT

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh và bao gói sản phẩm là TƯƠNG ỚT PHỞ TÂN ĐẠT do công ty TNHH Thực phẩm Tân Tiến Đạt sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 7397:2014 Tương Ớt
- QCVN 8-2:2011/BYT giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT giới hạn về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu chất lượng

3.1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đậm, đỏ, hoặc đỏ vàng của quả ớt.
- Mùi vị: Cay đặc trưng của ớt, thơm của tỏi, không có mùi lạ
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh, đồng nhất.

3.1.2. Thông tin dinh dưỡng:

- Giá trị dinh dưỡng tính trong 100ml sản phẩm:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	13 – 38,84
2	Chất đạm	g/100g	0,3 – 0,9
3	Natri	mg/100g	773 – 2317,44
4	Chất béo	g/100g	≤ 0,5
5	Carbohydrat	g/100g	3 – 8,72

3.2. Chỉ tiêu an toàn

3.2.1 Chỉ tiêu vi sinh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số nấm mốc nấm men	cfu/g	10^2
2	Conforms	cfu/g	10^2
3	Escherichia Coli	cfu/g	<10
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10^2
5	Salmonella	/25g	KPH
6	Clostridium perfringens	cfu/g	<10

3.2.2. Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen vô cơ (As)	mg/kg	1,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3.2.3. Danh mục phụ gia thực phẩm: Tra cứu theo thông tư số 09/VBHN-BYT của Bộ y tế ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.6 và 12.6.2. Nước chấm và các sản phẩm tương tự (VD: Tương ớt).

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	12 - 28,81
2	Chất đạm	g/100g	0,3 - 0,9
3	Natri	mg/100g	273 - 2312,94
4	Chất béo	g/100g	0,07
5	Cacbohydrat	g/100g	2 - 6,72

Tên phụ gia/phụ gia hỗn hợp	Nhóm chức năng	Mức sử dụng tối đa	Ghi chú
Ajitide (INS 635)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ Tự công bố của nhà sản xuất
Monosodium (INS621)	Chất điều vị	Theo GMP	Hồ sơ tự công bố của nhà sản xuất
Sorbic Acid (INS200)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Sorbic
Natri benzoat (INS211)	Chất bảo quản	1000mg/kg	Tính theo Acid Benzoic
Acid citric (INS330)	Chất điều chỉnh độ acid	Theo GMP	Phù hợp mục đích công nghệ
Sunset Yellow	Phẩm mầu	300mg/kg	Theo quy định hiện hành
Ponceau 4R	Phẩm Màu	50 mg/kg	Theo quy định hiện hành
Hương liệu thực phẩm (hương me A03)	Chất tạo hương	Theo GMP	Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất

4.Thành phần: Ớt tươi ≤35%, nước, muối, tinh bột biến tính, chất điều vị (621,635), phẩm màu (E110, E124). Chất bảo quản (E200,E211), chất điều chỉnh độ axit(INS330), hương me.

5.Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai nhựa, can nhựa. Thể tích 500ml, 800ml, 900ml, 1,8 lít, 1,9 lít, 2 lít, 4,8 lít, 5 lít... hoặc đóng gói với thể tích, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì:

Can nhựa, chai nhựa: PE/PP/PA đạt theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao bì và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được ban hành theo Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hướng dẫn sử dụng : Dùng trong bữa ăn hàng ngày như bún, phở, chấm hải sản…

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. không sử dụng đối với người có khả năng mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phần trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

6.Tên Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT. Địa chỉ: số 26 Tân Hòa, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

M.S.D.N: 1000... C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Tân

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152211196/04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Phở Tân Đạt**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/09/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/09/2026-28/09/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 28/09/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Sunset yellow (E110) *	mg/kg	35,3	VNT.H.03.Fo.193 (2026)
2	Ponceau 4R (E124) *	mg/kg	17,05	VNT.H.03.Fo.193 (2026)

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV151811240/08

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà Ông Tân, Xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương ớt phở Tân Đạt**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 20/05/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 20/05/2026-01/06/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 01/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	Kcal/100g	25,92	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	5,86	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	0,62	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng	g/100g	< LOQ = 0,3	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	1545,22	TCVN 10916:2015
6	Arsen (As) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
7	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
8	Chì (Pb) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
9	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	KPH (LOD = 0,015)	TCVN 10912:2015
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	TCVN 4884-1:2015

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services.(b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV151811240/08

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
11	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-1:2010
12	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
13	*E. coli* *	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008
14	*Staphylococcus aureus* *	CFU/g	< 10	AOAC 975.55
15	*Clostridium perfringens* *	CFU/g	< 10	ISO 15213-2:2023
16	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

VILAS 1296 ISO/IEC 17025:2017 VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV152011228/08

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Nhà ông Tân, xóm 10, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Tương Ớt Phở Tân Đạt**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong chai nắp kín, khối lượng: 500g, số lượng: 01 chai
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/07/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/07/2026-29/07/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 29/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Acid sorbic (E200)	mg/kg	655,06	TCVN 8122:2009
2	Natri benzoate (E211)	mg/kg	844,93	TCVN 8122:2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB - DEPARTMNET OF AGRO - FORESTRY - FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/*Establishment*: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Địa chỉ/*Address*: Xóm 10, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/*Tel*: 0904.286.839

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1.Tương ớt, tương cà, tương đen, nước tương, dầu hào, sốt chua ngọt, sốt maynonaise;

2. San chiết nước mắm.

Số cấp/*Number*: 94/2023/NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 28 tháng 12 năm 2026

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Anh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1001122186

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà ông Tân, xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0904.286.839* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *16/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151540014*

Ngày cấp: *29/01/2013* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Tuyến